

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19-9-2022

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh T

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị T

Ông Nguyễn Hồng Đ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức H - Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng N - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; nơi ĐKKHKT: Số 10/74/63 phố C, phường G, quận N, thành phố H; nơi tạm trú: Số 2+4 ngõ 63 đường N, phường L, quận N, thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Đức V; nơi ĐKKHKT: Số 10/74/63 phố C, phường G, quận N, thành phố H; nơi tạm trú: Số 2+4 ngõ 63 đường N, phường L, quận N, thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2022, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Đức V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có tổ chức lễ cưới theo phong tục

tập quán địa phương. Ông bà đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố H vào ngày 14/3/1990. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường và đã có hai con chung. Đến năm 2020 khi ông V nghỉ hưu thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng; nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do va chạm trong cuộc sống hàng ngày. Lâu dần giữa hai vợ chồng không còn nói chuyện, tâm sự được với nhau; ông bà đã sống ly thân 02 năm nay, tuy ở cùng một nhà nhưng mỗi người một phòng do đời sống tình cảm không hòa hợp. Ông V có cách cư xử không đúng mực với bà H như không tôn trọng, chửi mắng bà H trước mặt các con nên bà H không chấp nhận. Thực tế, cuộc sống hôn nhân của ông bà đã phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm do đời sống tình cảm và tính cách không phù hợp nhưng vì các con nên bà H đã cố gắng chấp nhận duy trì cuộc sống vợ chồng. Đến nay các con của ông bà đều đã trưởng thành nên bà H quyết định làm đơn xin ly hôn. Tại phiên tòa, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không có hạnh phúc và kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Đỗ Đức V để giải thoát cho nhau; vì ông bà không còn tình cảm nên bà H muốn rõ ràng về pháp lý, không đồng ý sống ly thân và ràng buộc như quan điểm của ông V tại phiên tòa.

Về con chung: Ông V và bà H có hai con chung là Đỗ Đức H, sinh ngày 06/8/1990 và Đỗ Đức H sinh ngày 09/4/1995. Hiện hai con chung đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn ông Đỗ Đức V có quan điểm trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện và quá trình kết hôn như bà H đã trình bày là đúng. Ông bà kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố H.

Sau khi kết hôn ông bà sống hòa thuận, hạnh phúc; đến năm 2020 khi ông V nghỉ hưu vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nhưng mâu thuẫn theo ông V là những va chạm nhỏ trong gia đình. Bà H là người cố chấp, chỉ những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống cũng cố tình làm cho căng thẳng. Hoặc có những việc ông V nói nhưng bà H không nghe, kiên quyết làm theo ý mình. Những mâu thuẫn nhỏ đó

được tích tụ lâu ngày nên đôi khi ông V nóng tính dẫn đến hai người xảy ra xô sát, to tiếng. Ví dụ trong việc ăn uống hàng ngày, bà H chỉ nấu theo thói quen của mình mà không quan tâm đến khẩu vị của chồng; hoặc bà H mải mê việc thờ cúng, trốn tránh trách nhiệm làm vợ trong đời sống tình cảm; không tôn trọng ông V. Do ông V đi làm xa nhà, bà H ở nhà chiều con nên các con chỉ nghe lời bà H. Hiện nay, hai vợ chồng đã nhiều tuổi, ông V mong muốn một gia đình đầy đủ vợ chồng, con cái và mong muốn bà H có trách nhiệm với ông khi về già. Ông V cho rằng cả ông và bà H ai cũng sai và nguyên nhân ban đầu do bà H. Ông V không phải là người cờ bạc hay có quan hệ tình cảm với người khác nên ông không muốn ly hôn để đảm bảo uy tín và danh dự và để bà H phải có trách nhiệm với ông, với gia đình. Nếu bà H không đồng ý thì ông bà cứ sống ly thân như hiện tại. Vì vậy, ông V đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Ông bà có hai con chung như bà H đã trình bày. Hiện nay hai con chung Đỗ Đức H, Đỗ Đức H đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông V và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, xét thấy bà Nguyễn Thị H kiên quyết xin ly hôn vì xác định không còn tình cảm với ông V, không muốn tiếp tục chung sống, giữa ông bà không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, hai người sống ly thân đã 02 năm, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà H được ly hôn với ông V. Hai con chung Đỗ Đức H, sinh ngày 06/8/1990 và Đỗ Đức H, sinh ngày 09/4/1995 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên không đặt vấn đề giải quyết. Về tài sản chung, bà H và ông V tự thỏa thuận nên không đặt vấn đề giải quyết. Về án phí, bà H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Đỗ Đức V cư trú trên địa bàn quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

[2] Điều kiện và quá trình kết hôn như bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Đức V đã trình bày, hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống bình thường và đã có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng từ năm 2020 đến nay do ông bà bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà H cho rằng giữa hai người không có tiếng nói chung, không có sự hòa hợp về tình cảm, ông V thường xuyên chửi bới, không tôn trọng bà H trước mặt các con. Ông V cho rằng mâu thuẫn giữa ông bà chỉ là va chạm trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, ông V mong muốn một gia đình đầy đủ có cả vợ, cả chồng để bà H phải có trách nhiệm với ông khi về già và vì danh dự, uy tín nên ông V không đồng ý ly hôn. Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự cũng như những tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tài liệu xác minh, Hội đồng xét xử xét thấy thực tế có việc ông V nóng tính, xảy ra cãi vã, xô sát với bà H. Từ khi ông V nghỉ hưu, giữa hai vợ chồng ông bà thường xuyên cãi vã. Tuy sống cùng một nhà nhưng ông bà đã sống ly thân, mỗi người ở một phòng. Như vậy, cuộc sống chung giữa bà H và ông V thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân bà H xác định không còn tình cảm với ông V và kiên quyết xin được ly hôn, ông V muốn hòa giải đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà chấp nhận sống ly thân như hiện tại. Hơn nữa, mục đích đoàn tụ của ông V là vì uy tín, danh dự của bản thân và vì muốn bà H phải chăm sóc ông lúc về già chứ không phải xuất phát từ tình cảm của ông V đối với bà H. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

[3] Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Đức V có hai con chung như ông bà đã trình bày. Hiện tại con chung Đỗ Đức H, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1990 và Đỗ Đức H,

sinh ngày 09 tháng 4 năm 1995 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về việc chia tài sản chung:

[4] Bà H và ông V thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

[5] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Đỗ Đức V.

2. Về việc nuôi con:

Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Đức V có hai con chung là Đỗ Đức H, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1990 và Đỗ Đức H sinh ngày 09 tháng 4 năm 1995. Con chung Đỗ Đức H, Đỗ Đức H đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Đức V tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí số 6689 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố H. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Bà Nguyễn Thị H, ông Đỗ Đức V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- UBND phường M, quận N, thành phố H (ĐKKH ngày 14/3/1990);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh T